Các chức năng dành cho Sinh Viên

- Xem lịch thực hành

Mô tả

Sinh viên có thể vào hệ thống để có thể thực hiện các chức năng như được thể hiện trong Hình 2.3. Sau khi thành công vào hệ thống sinh viên có thể sử dụng các chức năng sau:

- Về chức năng xem lịch thực hành: Cho phép Sinh Viên có thể xem lịch thực hành theo học kì, năm học, tên giảng viên, mã học phần.

**2.2 Mô tả một số use case trong hệ thống**

**2.2.1 Use case “Xem lịch thực hành”.**

Chức năng “**Xem lịch thực hành**” là một trong những chức năng của actor sinh viên được thể hiện ở trong Hình 2.3. Nó cho phép sinh viên có thể xem lịch thực hành phòng máy. Các thông tin cụ thể về chức năng này bao gồm các kịch bản sử dụng được mô tả cụ thể ở trong Bảng 2.1 phía bên dưới.

Bảng 2.1 Mô tả use case “Thống kê doanh số bán hàng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Use case “xem lịch thực hành”** |
| Tóm tắt | Cho phép Sinh viên có thể xem lịch thực hành |
| Actor | Sinh Viên |
| Ngày tạo | 23/02/2024 |
| Ngày cập nhật |  |
| Version | 1.1 |
| Chịu trách  nhiệm | Nguyễn Thị Nhật Thiên Lan |
| Điều kiện tiên  quyết | Người dùng phải đăng nhập với quyền là sinh viên trước khi  thực hiện use case. |
| Kịch bản  thường | 1. Truy cập vào hệ thống. 2. Người dùng đăng nhập vào hệ thống. 3. Hệ thống kiểm tra đăng nhập.   **Có thể nhảy đến:**  **A1** - Sai tên đăng nhập.  **A2** - Sai mật khẩu đăng nhập.   1. Nếu thông tin hợp lệ chuyển đến trang lịch thực hành. |
| Kịch bản thay  thế | **A1** - Sai tên đăng nhập.  Chuỗi **A1** bắt đầu từ Bước 3:   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Trở lại bước 2 của kịch bản thường   **A2** - Sai mật khẩu đăng nhập.  Chuỗi **A2** bắt đầu từ Bước 3:   1. Hệ thống thông báo lỗi 2. Trở lại bước 2 của kịch bản thường |
| Kịch bản lỗi |  |
| Kết quả | Nếu đăng nhập thành công vào hệ thống thì người dùng có thể xem được lịch thực hành. |

Đặc tả này đã được thể hiện trên giao diện hệ thống ở Hình 4.?, Hình 4.?, Hình 4.?, Hình 4.? và Hình 4.?.

**3.2.1 Mô tả thuộc tính của lớp Giảng Viên**

Các thuộc tính của bảng Giảng Viên được mô tả ở Bảng 3.1

**Bảng 3.1 Mô tả thuộc tính của bảng Giảng Viên**

| Tên thuộc tính | Kiểu truy cập | Kiểu dữ liệu | Giá trị mặc nhiên | Kích thước | Min | Max | Diễn giải |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| MaGiangVien | Private | Charactes | 0 | 10 |  |  | Mã giảng viên |
| HoTenGiangVien | Private | Charactes | NULL | 30 |  |  | Họ và tên giảng viên |
| HocVi | Private | Charactes | NULL | 30 |  |  | Học vị |
| SoDienThoai | Private | Interge | NULL | 15 |  |  | Số điện thoại |
| Email | Private | Charactes | NULL | 30 |  |  | Địa chỉ email |
| Password | Private | Charactes | NULL | 10 |  |  | Mật khẩu |

**3.2.2 Mô tả thuộc tính củalớp Lớp Học Phần**

Các thuộc tính của bảng Lớp Học Phần được mô tả ở Bảng 3.2

**Bảng 3.2 Mô tả thuộc tính của bảng Lớp Học Phần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu truy cập | Kiểu dữ liệu | Giá trị mặc nhiên | Kích thước | Min | Max | Diễn giải |
| MaLop | Private | Character |  | 10 |  |  | Mã lớp học phần |

**3.2.3 Mô tả thuộc tính của lớp Học Kì Môn Học**

Các thuộc tính của bảng Học Kì Môn Học được mô tả ở Bảng 3.3

**Bảng 3.3 Mô tả thuộc tính của bảng Học Kì Môn Học**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thuộc tính | Kiểu truy cập | Kiểu dữ liệu | Giá trị mặc nhiên | Kích thước | Min | Max | Diễn giải |
| HocKi\_NamHoc | Private | Character |  | 20 |  |  | Học kì năm học |
| NgayBatDau | Private | Date |  |  |  |  | Ngày bắt đầu |